

ẢNH HƯỞNG CỦA BỆNH VẢY NẾN TỚI CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA BỆNH NHÂN

Phạm Bích Ngọc¹, Lê Đức Minh¹,
Nguyễn Thị Thu Hương¹, Ngô Thị Hồng Hạnh¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của bệnh vảy nến đến chất lượng cuộc sống của người bệnh và mối liên quan giữa các yếu tố dịch tễ, lâm sàng với chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang dựa trên dữ liệu của 100 bệnh nhân được chẩn đoán xác định vảy nến thông thường, tới khám tại bệnh viện Da liễu Hà Nội từ tháng 04/2021 tới 10/2021. **Kết quả:** Có 85% bệnh nhân vảy nến bị ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống, trong đó 72% bệnh nhân bị ảnh hưởng mức độ nhiều và rất nhiều. Triệu chứng, cảm giác và hoạt động hàng ngày là 2 yếu tố của chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng nhiều nhất (điểm trung bình lần lượt là $2,48 \pm 0,67$ và $2,18 \pm 0,54$). Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân từ 16-39 tuổi bị ảnh hưởng nhiều nhất (DLQI $18 \pm 2,9$), nữ bị ảnh hưởng nhiều hơn nam (DLQI lần lượt là $20,58 \pm 5,84$ so với $12,46 \pm 4,49$ với $p < 0,05$), nhóm bệnh nhân khởi phát bệnh sớm (< 30 tuổi) có DLQI cao hơn nhóm khởi phát muộn ($19,31 \pm 3,80$ và $12,01 \pm 2,76$ với $p < 0,05$). Chất lượng cuộc sống không khác biệt theo thời gian bị bệnh nhưng có liên quan với mức độ bệnh ($p < 0,05$). **Kết luận:** Vảy nến ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng cuộc sống của bệnh nhân đặc biệt về cảm giác và hoạt động hàng ngày. Chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng nặng nề hơn ở nữ giới, người trong độ tuổi lao động, người khởi phát bệnh sớm và có liên quan với mức độ nặng của bệnh.

Từ khóa: chất lượng cuộc sống, vảy nến thông thường, DLQI

SUMMARY

IMPACT OF PSORIASIS ON PATIENTS' QUALITY OF LIFE

Objectives: To assess the impact of psoriasis on all aspects of patients' quality of life and the relationship between epidemiological and clinical factors with the quality of life in psoriasis patients. **Subjects and methods:** This was a cross-sectional descriptive study based on data of 100 patients with a confirmed diagnosis of vulgaris psoriasis, who visited Hanoi Dermatology Hospital from April 2021 to October 2021. **Results:** A total of 100 patients were identified. The quality of life of 85% of patients was affected, of which 72% of patients were seriously and very seriously affected. Symptoms, feelings and daily activities were the most affected factors (mean scores

2.48 ± 0.67 and 2.18 ± 0.54 , respectively). The quality of life of patients aged 16-39 years old is most affected (DLQI 18 ± 2.9), women are affected more than men (DLQI 20.58 ± 5.84 vs. 12.46 ± 4.49 , respectively with $p < 0.05$). Group of patients with early disease onset (< 30 years old) had a higher DLQI than the late onset group (19.31 ± 3.80 and 12.01 ± 2.76 with $p < 0.05$). Quality of life did not differ according to disease duration but was related to disease severity ($p < 0.05$). **Conclusion:** Psoriasis seriously affects the patient's quality of life, especially in terms of feeling and daily activities. Quality of life is more severely affected in women, people of working age, and people with early disease onset and is related to the severity of the disease. **Keywords:** quality of life, psoriasis vulgaris, DLQI

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vảy nến là một trong những bệnh da tự miễn rất thường gặp ở Việt Nam và trên thế giới. Mặc dù vảy nến ít gây tử vong nhưng ảnh hưởng nặng nề đến tâm lý, sinh hoạt, khả năng lao động của người bệnh. Do tổn thương da và bệnh tiến triển mạn tính, thời gian điều trị kéo dài gây mất thẩm mỹ, ảnh hưởng lớn đến giao tiếp, tâm lý bệnh nhân luôn bi quan, chán nản, mất tự tin vào quá trình điều trị, điều đó làm ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng cuộc sống người bệnh.

Đánh giá đúng chất lượng cuộc sống của từng bệnh nhân vảy nến cũng như khảo sát những yếu tố góp phần làm cho chất lượng cuộc sống của người bệnh suy giảm nặng nề hơn giúp người thầy thuốc có chiến lược điều trị, dự phòng tái phát phù hợp hơn, cải thiện tốt nhất chất lượng cuộc sống cho từng bệnh nhân.

Các nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy bệnh vảy nến có ảnh hưởng tiêu cực trên tất cả các khía cạnh của cuộc sống như trong công việc, học tập, nghề nghiệp, các mối quan hệ xã hội, đời sống tình dục, cuộc sống gia đình của người bệnh¹⁻⁵. Tuy nhiên, ở Việt Nam, các nghiên cứu được thực hiện chủ yếu khảo sát các yếu tố dịch tễ, lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị của bệnh vảy nến, rất ít nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của vảy nến lên chất lượng cuộc sống mọi mặt của người bệnh và mối liên quan giữa các yếu tố dịch tễ với sự ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của người bệnh⁶. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm: *Đánh giá mức độ ảnh hưởng của bệnh vảy nến đến chất*

¹Bệnh viện Da Liễu Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Bích Ngọc

Email: ngocbich21128@gmail.com

Ngày nhận bài: 2.11.2023

Ngày phản biện khoa học: 15.12.2023

Ngày duyệt bài: 8.01.2024

lượng cuộc sống mọi mặt của người bệnh và mối liên quan giữa các yếu tố dịch tễ, lâm sàng với sự ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của người bệnh tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội từ tháng 4/2021 tới tháng 10/2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: 100 bệnh nhân được chẩn đoán vảy nến thông thường tại bệnh viện Da liễu Hà Nội từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2021.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Bệnh nhân được chẩn đoán xác định vảy nến thông thường dựa vào tiền sử và lâm sàng điển hình; bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Bệnh nhân có tiền sử các bệnh lý liên quan tới tâm thần kinh và bệnh nhân vảy nến thể khớp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu. Nghiên cứu mô tả, cắt ngang trên 100 bệnh nhân được chẩn đoán vảy nến thông thường thỏa mãn tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2021. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Các bệnh nhân được thu thập thông tin chung, tiền sử, đặc điểm lâm sàng. Sự ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của người bệnh được đánh giá trên chỉ số chất lượng cuộc sống liên quan đến bệnh da liễu (Dermatology Life Quality Index-DLQI) với 10 câu hỏi. Mỗi câu hỏi có thang điểm 0,1,2,3 tương ứng với mức độ từ không ảnh hưởng, ảnh hưởng ít, ảnh hưởng nhiều và ảnh hưởng rất nhiều. Bộ câu hỏi chỉ số DLQI đánh giá sự ảnh hưởng của bệnh vảy nến tới nhiều mặt của chất lượng cuộc sống như triệu chứng và cảm giác, hoạt động hàng ngày, hoạt động thể chất và thể dục thể thao, công việc và học tập, quan hệ cá nhân và hoạt động tình dục cũng như những khó khăn do vấn đề điều trị mang lại.

Số liệu được nhập liệu và quản lý trên hệ thống REDCap, xử lý theo chương trình SPSS 16.0. Kiểm định so sánh: đối với biến định tính so sánh 2 tỉ lệ kiểm định bằng test Chi bình phương (test χ^2), có hiệu chỉnh Fisher nếu kỳ vọng lý thuyết < 5, đối với biến định lượng kiểm định giá trị trung bình bằng T-test giữa hai mẫu độc lập và so sánh cặp trước sau, kiểm định có ý nghĩa thống kê với $p < 0.05$.

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu này được sự cho phép của Bệnh viện Da liễu Hà Nội; bệnh nhân được tư vấn và tự nguyện tham gia nghiên cứu; thông tin cá nhân của bệnh nhân được giữ kín.

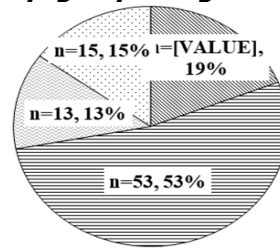
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Mức độ ảnh hưởng của bệnh vảy nến đến chất lượng cuộc sống của người bệnh
Đặc điểm chung của nhóm bệnh nhân nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của nhóm bệnh nhân nghiên cứu

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi (tuổi)		
< 16	7	7
16-39	27	27
40-60	43	43
>60	23	23
Tuổi khởi phát (tuổi)		
<30	76	76
≥ 30	24	24
Giới		
Nam	69	69
Nữ	31	31
Thời gian mắc bệnh (năm)		
≤ 5	34	34,0
5-10	41	41,0
>10	25	25,0
Nghề nghiệp		
Công nhân	30	30,0
Công chức/viên chức	24	24,0
Nông dân	15	15,0
Học sinh, sinh viên	16	16,0
Khác	15	15,0
Mức độ nặng của bệnh (PASI)		
Nhe (PASI < 10)	37	37
Trung bình (PASI từ 10 - 20)	45	45
Nặng (PASI ≥ 20)	18	18

Mức độ ảnh hưởng của bệnh vảy nến tới chất lượng cuộc sống của người bệnh



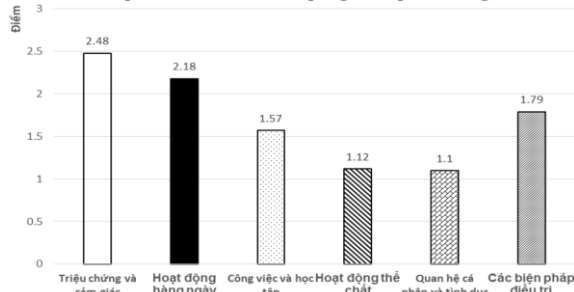
Biểu đồ 1. Mức độ ảnh hưởng CLCS của bệnh nhân vảy nến thông thường (n=100)

(Ảnh hưởng rất nhiều DLQI 20-30 điểm, Ảnh hưởng nhiều DLQI 10-19 điểm, Ảnh hưởng ít DLQI 1-9 điểm, Không ảnh hưởng DLQI = 0)

Nhận xét: Bệnh vảy nến ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng cuộc sống của người bệnh. Có tới 72% bệnh nhân (n=72) bị ảnh hưởng đến

chất lượng cuộc sống mức độ nhiều và rất nhiều, chỉ có 15% bệnh nhân (n=15) không bị ảnh hưởng và 13% bệnh nhân bị ảnh hưởng mức độ ít tới chất lượng cuộc sống.

Mức độ ảnh hưởng của bệnh vảy nến tới các mặt của chất lượng cuộc sống



Biểu đồ 2. Mức độ ảnh hưởng của bệnh vảy nến tới các mặt của chất lượng cuộc sống theo 6 nhóm thống kê

Nhận xét: Trong các yếu tố thì triệu chứng, cảm giác và hoạt động hàng ngày là 2 yếu tố bị ảnh hưởng cao nhất với điểm trung bình là $2,48 \pm 0,67$ và $2,18 \pm 0,54$. Quan hệ cá nhân, tình dục và hoạt động thể chất là 2 yếu tố ít bị ảnh hưởng với điểm trung bình là $1,1 \pm 0,90$ và $1,12 \pm 0,80$.

3.2. Môi liên quan giữa các yếu tố dịch tễ, lâm sàng với sự ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của người bệnh

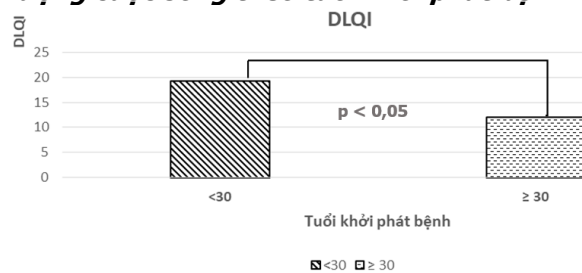
Anh hưởng của bệnh vảy nến tới chất lượng cuộc sống theo nhóm tuổi

Bảng 2. Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến theo nhóm tuổi

Tuổi	DLQI	p
16-39	$18 \pm 2,9$	<0,05
40-59	$16,2 \pm 6,3$	
>60	$10 \pm 3,9$	

Nhận xét: Nhóm tuổi 16-39 và 40-59 tuổi bị ảnh hưởng nhiều nhất về chất lượng cuộc sống với DLQI trung bình lần lượt là $18 \pm 2,9$ và $16,2 \pm 6,3$, nhiều hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm tuổi > 60 (DLQI $10 \pm 3,9$) với $p < 0,05$.

Anh hưởng của bệnh vảy nến tới chất lượng cuộc sống theo tuổi khởi phát bệnh



Biểu đồ 3. Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến theo tuổi khởi phát bệnh

nhân vảy nến theo tuổi khởi phát bệnh

Nhận xét: Tuổi khởi phát bệnh sớm dưới 30 tuổi có chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng nhiều hơn đáng kể nhóm bệnh nhân vảy nến có tuổi khởi phát ≥ 30 tuổi với DLQI lần lượt là $19,31 \pm 3,80$ và $12,01 \pm 2,76$ với $p < 0,05$.

Mối liên quan giữa giới tính với sự ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến



Biểu đồ 4. Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến theo giới tính

Nhận xét: Bệnh nhân vảy nến là nữ bị ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống nhiều hơn có ý nghĩa so với nam giới với DLQI lần lượt là $20,58 \pm 5,84$ so với $12,46 \pm 4,49$ với $p < 0,05$.

Liên quan giữa mức độ nặng của bệnh với chất lượng cuộc sống của bệnh nhân

Bảng 3. Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến theo mức độ nặng của bệnh

Mức độ bệnh	DLQI	p
Nhẹ	$14,6 \pm 2,6$	<0,05
Vừa	$16 \pm 6,3$	
Nặng	$19,7 \pm 5,3$	

Nhận xét: Bệnh nhân vảy nến mức độ nặng có DLQI ($19,7 \pm 5,3$) cao hơn đáng kể so với nhóm mức độ bệnh vừa và nhẹ (DLQI lần lượt là $16 \pm 6,3$, $14,6 \pm 2,6$) với $p < 0,05$.

Liên quan giữa thời gian bị bệnh với chất lượng cuộc sống

Bảng 4. Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến theo thời gian bị bệnh

Thời gian bị bệnh	DLQI	p
< 5 năm	$15,21 \pm 2,93$	> 0,05
≥ 5 năm	$14,01 \pm 2,73$	

Nhận xét: Chỉ số DLQI ở 2 nhóm thời gian bị bệnh <5 năm và nhóm ≥ 5 năm lần lượt là $15,21 \pm 2,93$ và $14,01 \pm 2,73$, không có sự khác biệt với $p > 0,05$.

IV. BÀN LUẬN

Trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 10/2021, đã có 100 bệnh nhân được chẩn đoán vảy nến thông thường tham gia nghiên cứu này.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, có 85% bệnh nhân vảy nến bị ảnh hưởng tới chất lượng

cuộc sống và có tới 72% bệnh nhân bị ảnh hưởng mức độ nhiều trở lên. Trong các yếu tố của chất lượng cuộc sống, yếu tố về triệu chứng và cảm giác cũng như hoạt động hàng ngày bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất, với điểm trung bình cho các mục này đều > 2 điểm, tức là ảnh hưởng mức độ nhiều trở lên. Kết quả này cho thấy gánh nặng của bệnh vảy nến lên chất lượng cuộc sống của bệnh nhân là rất nặng nề. Các biểu hiện trên da của bệnh vảy nến như ngứa, kích ứng và đỏ, đau rát, vảy da... gây cảm giác khó chịu, mệt mỏi, bệnh nhân mất ngủ, căng thẳng thần kinh, mệt mỏi kéo dài gây ảnh hưởng đến sức khỏe, lao động và cũng là nguyên nhân làm cho bệnh vảy nến nặng lên. Ngứa, đau nhức, lo lắng, mất ngủ có liên quan với nhau và tạo thành vòng xoắn bệnh lý làm cho chất lượng cuộc sống của bệnh nhân suy giảm. Kết quả này của chúng tôi cũng tương đồng với các nghiên cứu khác trên thế giới. Trong cuộc khảo sát của Hiệp hội Vảy nến Quốc gia Mỹ, gần 75% bệnh nhân đánh giá bệnh vảy nến ảnh hưởng mức độ vừa và nghiêm trọng tới chất lượng cuộc sống của họ⁵. Nghiên cứu của Tung-Yi Lin và cộng sự cũng có điểm trung bình về triệu chứng và cảm nhận của bệnh nhân là $2,63 \pm 1,46$, tức ảnh hưởng nhiều trở lên⁴.

Mối liên quan giữa chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến với một số yếu tố dịch tễ. Theo kết quả tại bảng 2, nhóm bệnh nhân trong độ tuổi từ 16-39 có chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng nhiều nhất, sau đó là nhóm từ 40-60 tuổi. Cả 2 nhóm này đều có điểm DLQI cao hơn đáng kể so với nhóm bệnh nhân > 60 tuổi. Đây là nhóm bệnh nhân trong độ tuổi lao động, có nhiều mối quan hệ xã hội và các nhu cầu của cuộc sống cao vì vậy bệnh tật tác động rất nhiều đến tâm lý bệnh nhân khiến họ suy nghĩ, lo lắng, ngượng ngập, mặc cảm, mất tự tin trong quan hệ với người thân và bạn bè. Ngoài ra việc điều trị bệnh cũng làm bệnh nhân không thể chuyên tâm trong học tập và công việc, nên ảnh hưởng nhiều tới chất lượng cuộc sống. Kết quả của chúng tôi tương tự kết quả của các tác giả trong nước khác như Trương Thị Mộng Thường tại bệnh viện da liễu HCM và Nguyễn Thị Lệ Quyên tại Bv Da liễu Cần Thơ⁷.

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, nhóm bệnh nhân khởi phát sớm (<30 tuổi) có DLQI cao hơn nhóm khởi phát muộn. Kết quả của chúng tôi tương tự một số nghiên cứu khác đều chỉ ra rằng nhóm bệnh khởi phát sớm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn nhóm khởi phát muộn. Điều này có thể do bệnh nhân khởi phát bệnh ở

độ tuổi thanh thiếu niên là giai đoạn con người cần phát triển công việc và các mối quan hệ xã hội nhưng người bệnh luôn che giấu và cô lập bản thân do mặc cảm bệnh.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, chất lượng cuộc sống của nữ kém hơn nam giới. Kết quả của chúng tôi tương tự các nghiên cứu của các tác giả, Sanpogna và cs⁸, Rakhesh và cs⁹ cũng cho thấy nữ giới bị ảnh hưởng nặng nề hơn nam giới bởi vì nữ giới thường quan tâm, chú trọng đến dáng vẻ bên ngoài nhiều hơn so với nam. Tổn thương da vảy nến gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ, làm nữ giới mất tự tin, suy nghĩ, lo lắng nhiều hơn. Điều này làm tăng căng thẳng tâm lý và trầm cảm ở nữ và là nguyên nhân khởi phát và làm bệnh nặng thêm. Trong nghiên cứu của chúng tôi không có sự khác biệt về ảnh hưởng của chất lượng cuộc sống ở nhóm có thời gian mắc bệnh khác nhau và số lần tái phát khác nhau.

Kết quả tại bảng 3 cũng cho thấy DLQI ở nhóm bệnh nhân có mức độ bệnh nặng cao hơn có ý nghĩa so với nhóm mức độ nhẹ và trung bình. Nhiều tác giả cho thấy có mối tương quan giữa sự cải thiện về PASI và cải thiện về DLQI¹⁰. Có thể do bệnh đang giai đoạn hoạt động bệnh nặng lên nên bệnh nhân có tâm lý bi quan, lo lắng, chất lượng cuộc sống suy giảm nhiều hơn. Điều này tạo thành vòng xoắn khiến mức độ bệnh tăng lên do các sang chấn về tinh thần tác động làm khởi phát bệnh. Giảm PASI ít nhất là 75% có thể cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vảy nến. Vậy nên, để nâng cao chất lượng cuộc sống của bệnh nhân mắc vảy nến thông thường thì rất cần quan tâm đến công tác điều trị, kiểm soát bệnh hiệu quả.

V. KẾT LUẬN

85% bệnh nhân vảy nến bị ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống, trong đó 72% bị ảnh hưởng mức độ nhiều và rất nhiều. Trong các mặt của chất lượng cuộc sống thì triệu chứng, cảm giác và hoạt động hàng ngày là 2 yếu tố bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng ở nữ giới nhiều hơn đáng kể so với nam giới, nhóm tuổi trong độ tuổi lao động (đặc biệt là nhóm tuổi lao động trẻ từ 16-39) nhiều hơn có ý nghĩa so với nhóm tuổi > 60 tuổi. Bệnh nhân vảy nến khởi phát bệnh sớm có chất lượng cuộc sống kém hơn so với bệnh nhân khởi phát muộn sau 30 tuổi. Đồng thời chất lượng cuộc sống càng kém khi mức độ bệnh càng nặng, nhưng không có sự khác biệt theo thời gian bị bệnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bhosle MJ, Kulkarni A, Feldman SR,

- Balkrishnan R.** Quality of life in patients with psoriasis. *Health Qual Life Outcomes*. 2006;4:35. doi:10.1186/1477-7525-4-35
- García-Sánchez L, Montiel J, Vazquez Cruz E, May-Salazar A, Gutiérrez-Gabriel I, Loria J.** Quality of life in patients with psoriasis. *Gac Med Mex*. 2017;153:185-189.
 - García-Sánchez L, Montiel-Jarquín AJ, Vázquez-Cruz E, May-Salazar A, Gutiérrez-Gabriel I, Loria-Castellanos J.** Quality of life in patients with psoriasis. *Gac Médica México*.
 - Lin TY, See LC, Shen YM, Liang CY, Chang HN, Lin YK.** Quality of life in patients with psoriasis in Northern Taiwan. *Chang Gung Med J*. 2011; 34:186-196.
 - Krueger G, Koo J, Lebwohl M, Menter A, Stern RS, Rolstad T.** The impact of psoriasis on quality of life: results of a 1998 National Psoriasis Foundation patient-membership survey. *Arch Dermatol*. 2001;137(3):280-284.
 - Lê Ngọc Diệp TTMT.** Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân vẩy nến đến điều trị tại Bệnh viện Da Liễu TP.HCM từ 01/09/2010 đến 30/04/2011. *Tạp Chí Học Thành Phố Hồ Chí Minh*. 2012;16:284.
 - Quyên NTL, Quyên NTL, Van H, Trang NTT.** NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM LÂM SANG VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG Ở BỆNH NHÂN VẢY NẾN TẠI BỆNH VIỆN DA LIỄU CẦN THƠ NĂM 2017-2019.
 - Sampogna F, Chren MM, Melchi CF, et al.** Age, gender, quality of life and psychological distress in patients hospitalized with psoriasis. *Br J Dermatol*. 2006;154(2):325-331. doi:10.1111/j.1365-2133.2005.06909.x
 - Rakesh SV, D'Souza M, Sahai A.** Quality of life in psoriasis: a study from south India. *Indian J Dermatol Venereol Leprol*. 2008;74(6):600-606. doi:10.4103/0378-6323.45101
 - Çakmur H, Derviş E.** The relationship between quality of life and the severity of psoriasis in Turkey. *Eur J Dermatol EJD*. 2015;25. doi:10.1684/ejd.2014.2511

RỐI LOẠN LIPID MÁU VÀ MỨC ĐỘ VẬN ĐỘNG THỂ LỰC Ở NGƯỜI ĐẾN KHÁM SỨC KHỎE TỔNG QUÁT TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Phan Kim Mỹ¹, Phan Văn Báu², Trần Đức Sĩ¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Rối loạn lipid máu (RLLM), một bệnh lý không lây đặc trưng bởi mức lipid tăng cao trong huyết tương, đang có xu hướng ngày càng tăng cao ở Việt Nam. Các biến chứng bao gồm xơ vữa động mạch, bệnh mạch vành, nhồi máu cơ tim, nhồi máu não. Phòng ngừa, tầm soát tình trạng RLLM và can thiệp sớm là rất quan trọng. Các phương pháp điều trị không dùng thuốc, quan trọng nhất là vận động thể lực góp phần cải thiện tình trạng RLLM. **Phương pháp nghiên cứu:** Người đến khám sức khỏe tổng quát tại phòng khám đa khoa trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được tầm soát bilan lipid máu và khảo sát các yếu tố liên quan, phân tích mối tương quan giữa vận động thể lực (VĐTL) và RLLM. **Kết quả:** Chúng tôi thu thập và phân tích dữ liệu của 175 người trong thời gian nghiên cứu. Tỷ lệ người tham gia nghiên cứu có RLLM là 77,1% (135 người). Các yếu tố liên quan tới RLLM bao gồm: nam giới, có bệnh tăng huyết áp (THA), kích thước vòng eo, chỉ số eo/hông (WHR) và các thói quen liên quan đến chế độ ăn hằng ngày. Mức độ vận động thể lực có liên quan đến các thành phần lipid máu cụ thể như TC, LDL-C, non-HDL-C (p lần lượt là 0,001; 0,001; <0,001). **Kết luận:** Tỷ

lệ RLLM trong dân số nghiên cứu cao, trong đó tăng nhiều nhất là chỉ số TG. Bên cạnh đó, non-HDL-C cũng cần được xem xét là một chỉ số quan trọng. Việc tầm soát sớm là rất quan trọng, đặc biệt là nam giới, bệnh nhân THA, những người có kích thước vòng eo, WHR lớn. Tăng cường mức độ vận động thể lực, hạn chế lối sống tĩnh tại, tăng cường thời gian vận động trung bình-cao, ngay cả đi bộ cũng có ích cho việc phòng ngừa RLLM. **Từ khóa:** Rối loạn lipid máu, vận động thể lực, khám sức khỏe tổng quát

SUMMARY

DYSLIPIDEMIA AND PHYSICAL ACTIVITY IN PEOPLE TAKING GENERAL HEALTH EXAMINATION AT THE POLYCLINIC OF PHAM NGOC THACH UNIVERSITY OF MEDICINE

Background: Dyslipidemia, a non-communicable disease characterized by elevated lipid levels in plasma, is more common in Vietnam. Complications include atherosclerosis, coronary artery disease, myocardial infarction, and cerebral infarction. Prevention, screening for dyslipidemia and early intervention are very important. Non-drug treatments, most importantly physical activity (PA), contribute to improving the condition of cholesterol. **Method:** People coming for general health check-ups at the Polyclinic of Pham Ngoc Thach University of Medicine were screened for blood lipid profile and related factors, analyzing the correlation between PA and dyslipidemia. **Results:** We collected and analyzed data from 175 people during the study period. The prevalence of dyslipidemia in studied sample was 77.1% (135 people). Related factors included: gender,

¹Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

²Bệnh viện Nhân dân 115

Chịu trách nhiệm chính: Trần Đức Sĩ

Email: sitd@pnt.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.11.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.12.2023

Ngày duyệt bài: 9.01.2024